

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ  
Cổng Vàng)

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng)

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 43

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102721191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 9 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 71 được cấp ngày 15 tháng 12 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư và vận hành chuỗi nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống.

Công ty có trụ sở chính tại số 60, phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 32 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh, thành phố.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Trung	Chủ tịch
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Tường	Thành viên
Ông Dickson Loo	Thành viên
Bà Đào Phương Lan	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Thế Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Tường	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Thế Vinh, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

**CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



**Đào Thế Vinh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11540790/67061982

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng) (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**



Lê Đức Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Lê Hồng Vân  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4432-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.396.258.541.896</b>	<b>1.722.580.223.213</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>288.109.905.794</b>	<b>198.366.829.920</b>
111	1. Tiền		228.109.905.794	178.366.829.920
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	20.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>308.420.000.000</b>	<b>327.656.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	308.420.000.000	327.656.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>193.369.769.357</b>	<b>297.774.502.489</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	60.165.680.703	84.745.238.324
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	87.102.516.623	148.965.345.224
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		30.551.072	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	45.884.600.152	64.367.594.095
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(205.921.485)	(648.921.489)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		392.342.292	345.246.335
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>548.203.078.904</b>	<b>809.128.818.093</b>
141	1. Hàng tồn kho		548.203.078.904	809.229.434.643
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(100.616.550)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>58.155.787.841</b>	<b>89.654.072.711</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	58.155.787.841	89.579.702.824
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	74.369.887

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.435.787.523.900</b>	<b>1.248.343.569.260</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>247.801.050.281</b>	<b>217.399.143.157</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10	1.290.000.000	1.570.040.382
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	246.511.050.281	215.829.102.775
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>198.576.772.229</b>	<b>180.250.337.796</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	141.110.996.065	146.077.211.017
222	Nguyên giá		462.046.128.905	419.446.260.437
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(320.935.132.840)	(273.369.049.420)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	57.465.776.164	34.173.126.779
228	Nguyên giá		105.796.149.932	73.638.410.750
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(48.330.373.768)	(39.465.283.971)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>193.686.827.796</b>	<b>150.369.870.912</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	193.686.827.796	150.369.870.912
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>230.879.578.510</b>	<b>126.943.496.340</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		246.039.925.226	146.967.360.226
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.200.000.000	7.200.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(22.360.346.716)	(27.223.863.886)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>564.843.295.084</b>	<b>573.380.721.055</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	564.843.295.084	573.380.721.055
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.832.046.065.796</b>	<b>2.970.923.792.473</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

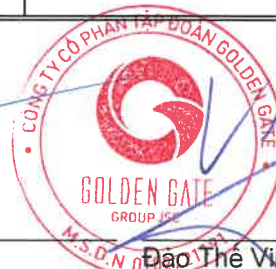
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.395.714.219.973</b>	<b>1.588.305.399.544</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.339.939.071.537</b>	<b>1.523.547.958.011</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	298.308.815.637	385.976.612.242
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.481.339.854	3.390.193.960
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	60.856.391.239	103.158.952.867
314	4. Phải trả người lao động		217.414.123.261	274.943.761.987
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	97.506.148.046	52.800.428.059
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	14.437.610.000	12.499.500.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	11.081.742.338	15.873.495.260
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	20	638.852.901.162	674.905.013.636
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>55.775.148.436</b>	<b>64.757.441.533</b>
338	1. Vay và nợ dài hạn	20	55.775.148.436	64.757.441.533
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.436.331.845.823</b>	<b>1.382.618.392.929</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.436.331.845.823</b>	<b>1.382.618.392.929</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		77.603.070.000	76.926.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		77.603.070.000	76.926.900.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(106.714.691.540)	(88.567.574.818)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.612.243.570)	(30.050.280.292)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.477.055.710.933	1.424.309.348.039
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		1.324.745.676.039	759.346.363.581
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		152.310.034.894	664.962.984.458
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.832.046.065.796</b>	<b>2.970.923.792.473</b>



Trần Thị Minh Chung  
Người lập

Nguyễn Mạnh Đức  
Kế toán trưởng



Đào Thế Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng)

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

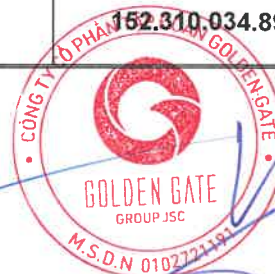
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	6.258.963.167.780	6.944.131.670.262
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(1.706.592.131)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	6.257.256.575.649	6.944.131.670.262
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(2.308.726.725.640)	(2.646.864.442.540)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		3.948.529.850.009	4.297.267.227.722
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	26.664.182.437	42.544.457.046
22	7. Chi phí tài chính	24	(50.001.205.796)	(112.340.015.869)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(54.510.995.379)	(106.528.180.424)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(3.337.607.087.955)	(3.106.674.511.433)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(433.343.149.335)	(454.249.543.174)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		154.242.589.360	666.547.614.292
31	11. Thu nhập khác	26	42.374.005.201	63.711.351.964
32	12. Chi phí khác	26	(5.565.543.653)	(4.416.930.005)
40	13. Lợi nhuận khác	26	36.808.461.548	59.294.421.959
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		191.051.050.908	725.842.036.251
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(38.741.016.014)	(60.879.051.793)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		152.310.034.894	664.962.984.458



Trần Thị Minh Chung  
Người lập

Nguyễn Mạnh Đức  
Kế toán trưởng

Đào Thế Vinh  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>191.051.050.908</b>	<b>725.842.036.251</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		72.104.725.863	68.796.464.166
03	(Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng		(5.407.133.724)	251.994.440
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái		32.322.242	(147.762.527)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.122.938.560)	(39.785.362.340)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	24	54.510.995.379	106.528.180.424
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>285.169.022.108</b>	<b>861.485.550.414</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		81.828.639.892	(167.844.854.197)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		261.026.355.739	(163.755.192.083)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(147.936.909.224)	241.415.437.121
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		40.174.045.243	(58.797.103.171)
14	Tiền lãi vay đã trả		(55.336.396.494)	(94.634.415.670)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(62.794.167.073)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>402.130.590.191</b>	<b>617.869.422.414</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(149.847.810.123)	(126.428.309.919)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.933.141.556	1.011.953.722
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(443.420.000.000)	(873.803.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		462.656.000.000	590.333.557.526
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(66.500.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.411.390.708	42.571.792.239
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(168.767.277.859)</b>	<b>(366.314.006.432)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

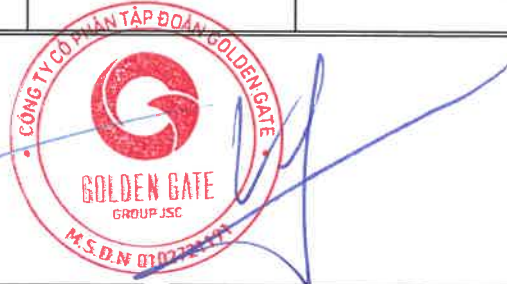
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		967.090.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		2.334.938.821.370	1.989.302.210.463
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.379.823.226.941)	(2.337.303.856.765)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(99.539.138.725)	(48.471.821.039)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(143.456.454.296)</b>	<b>(396.473.467.341)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>89.906.858.036</b>	<b>(144.918.051.359)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>198.366.829.920</b>	<b>343.268.978.446</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(163.782.162)	15.902.833
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>288.109.905.794</b>	<b>198.366.829.920</b>



Trần Thị Minh Chung  
Người lập

Nguyễn Mạnh Đức  
Kế toán trưởng



Đào Thế Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102721191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 9 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 71 được cấp ngày 15 tháng 12 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư và vận hành chuỗi nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 60, phố Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 32 chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh, thành phố.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 16.932 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 19.788).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 9 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 8 công ty con), với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Golden Sakura	Hà Nội	100%	100%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
2	Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và chế biến thực phẩm
3	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng	Hà Nội	57%	57%	Thiết kế và xây dựng nhà hàng
4	Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Hà Nội	100%	100%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
5	Công ty Cổ phần The Concept House	Hà Nội	78,84%	78,84%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
6	Công ty TNHH Giải pháp Nguồn Nhân lực Golden Stars (*)	Hà Nội	100%	100%	Hoạt động nhà hàng, dịch vụ ăn uống và tư vấn việc làm
7	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc)	Hà Nội	100%	100%	Cho thuê kho nhà xưởng và sản xuất hàng hóa
8	Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	Hà Nội	100%	100%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
9	Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam (**)	Hà Nội	79,9%	79,9%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

### *Cơ cấu tổ chức* (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2 công ty liên kết), với thông tin cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ số chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Nghệ An	36%	36%	Hoạt động nhà hàng và dịch vụ ăn uống
2	Công ty Cổ phần Nội thất Golden Gate (*)	Hà Nội	14,57%	28,57%	Thiết kế và thi công nội thất nhà hàng

(\*) Công ty sở hữu gián tiếp các công ty con và công ty liên kết này qua công ty con khác.

(\*\*) Vào ngày 1 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc mua 79,9% cổ phần của Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam. Theo đó, từ ngày này, Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam là công ty con của Công ty.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên cho hàng tồn kho tại các kho tập trung và kiểm kê định kỳ cho hàng tồn kho tại các nhà hàng để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- |  |  |
|--|--|
| Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.                    |
| Thành phẩm                             | - Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp giá bình quân gia quyền. |
| Hàng hóa                               | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.                    |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

#### **3.2 Hàng tồn kho** (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm quản lý	2 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà hàng; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đầu tư và vận hành chuỗi nhà hàng cung cấp dịch vụ ăn uống với toàn bộ doanh thu trong năm phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Đồng thời, toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	116.990.610	85.395.695
Tiền gửi ngân hàng	190.426.113.192	145.428.799.650
Tiền đang chuyển	37.566.801.992	32.852.634.575
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	20.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>288.109.905.794</u></b>	<b><u>198.366.829.920</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 1 tháng và hưởng lãi suất là 2,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5,8%/năm).

#### 5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	308.420.000.000	308.420.000.000	327.656.000.000	327.656.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>308.420.000.000</u></b>	<b><u>308.420.000.000</u></b>	<b><u>327.656.000.000</u></b>	<b><u>327.656.000.000</u></b>

Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,5%/năm đến 10,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,5%/năm đến 9,75%/năm).

Một số khoản tiền gửi được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

#### 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

##### 6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Giải pháp Thanh toán Việt Nam	16.991.593.897	10.766.898.354
Bệnh viện Bạch Mai	6.443.232.200	76.162.162
Công ty TNHH Nước giải khát Coca - Cola Việt Nam	6.252.111.792	10.731.318.306
Đối tượng khác	28.274.366.333	56.397.414.794
Phải thu từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	2.204.376.481	6.773.444.708
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>60.165.680.703</u></b>	<b><u>84.745.238.324</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(205.921.485)	(648.921.489)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Hương Vị HCV	8.770.230.810	14.391.353.570
Công ty TNHH 24H SeaFood	-	32.207.611.109
Công ty Swift Beef	-	13.178.158.570
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	74.680.943.797	89.188.221.975
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	3.651.342.016	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>87.102.516.623</b>	<b>148.965.345.224</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi hộ	17.690.643.679	39.580.000.000
Tạm ứng hoạt động cho nhân viên	12.992.924.652	9.147.065.961
Lãi tiền gửi, cho vay	8.132.260.764	8.497.910.706
Đặt cọc	5.962.757.740	5.704.415.598
Phải thu khác	1.106.013.317	1.438.201.830
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.884.600.152</b>	<b>64.367.594.095</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>17.690.643.679</i>	<i>39.580.000.000</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>28.193.956.473</i>	<i>24.787.594.095</i>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc dài hạn	246.511.050.281	215.829.102.775
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>246.511.050.281</b>	<b>215.829.102.775</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	47.877.896.103	-	78.293.270.177	-
Nguyên vật liệu	373.106.661.798	-	565.516.147.484	(100.616.550)
Công cụ, dụng cụ	64.235.269.301	-	74.268.570.155	-
Thành phẩm	44.638.167.883	-	66.778.914.882	-
Hàng hóa	18.345.083.819	-	24.372.531.945	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>548.203.078.904</b>	<b>-</b>	<b>809.229.434.643</b>	<b>(100.616.550)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

Một số hàng tồn kho của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	100.616.550	130.798.977
Trừ: Hoàn nhập trong năm	<u>(100.616.550)</u>	<u>(30.182.427)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>100.616.550</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê trả trước	31.996.470.147	58.023.623.519
Công cụ, dụng cụ	14.844.090.220	21.198.941.271
Chi phí khác	<u>11.315.227.474</u>	<u>10.357.138.034</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>58.155.787.841</u></b>	<b><u>89.579.702.824</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà hàng	368.009.080.247	395.609.914.874
Công cụ, trang thiết bị	192.582.275.487	172.598.357.737
Chi phí khác	<u>4.251.939.350</u>	<u>5.172.448.444</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>564.843.295.084</u></b>	<b><u>573.380.721.055</u></b>

Một số chi phí sửa chữa, cải tạo nhà hàng của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

**10. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu về cho vay các nhân viên	<u>1.290.000.000</u>	<u>1.570.040.382</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.290.000.000</u></b>	<b><u>1.570.040.382</u></b>

Đây là các khoản cho vay nhân viên của Công ty, với thời hạn 10 năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 2 năm 2027, hưởng lãi suất 9%/năm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng)

B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	377.948.396.400	14.345.032.573	27.152.831.464	419.446.260.437
- Mua trong năm	45.993.914.580	967.372.717	-	46.961.287.297
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.736.009.303	2.644.086.464	-	7.380.095.767
- Phân loại lại tài sản	1.008.291.414	(505.445.748)	-	502.845.666
- Thanh lý, nhượng bán	(10.655.463.138)	(832.219.462)	-	(11.487.682.600)
- Xóa sổ tài sản	(685.677.662)	(71.000.000)	-	(756.677.662)
Số cuối năm	418.345.470.897	16.547.826.544	27.152.831.464	462.046.128.905
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	161.793.815.822	4.892.852.682	13.756.001.729	180.442.670.233
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	242.024.258.923	9.286.591.933	22.058.198.564	273.369.049.420
- Khấu hao trong năm	53.748.054.974	2.150.982.231	2.822.363.418	58.721.400.623
- Phân loại lại tài sản	235.833.610	(23.395.770)	-	212.437.840
- Thanh lý, nhượng bán	(9.837.867.893)	(793.870.909)	-	(10.631.738.802)
- Xóa sổ tài sản	(673.496.479)	(62.519.762)	-	(736.016.241)
Số cuối năm	285.496.783.135	10.557.787.723	24.880.561.982	320.935.132.840
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	135.924.137.477	5.058.440.640	5.094.632.900	146.077.211.017
Số cuối năm	132.848.687.762	5.990.038.821	2.272.269.482	141.110.996.065

Một số tài sản có định của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Phần mềm quản lý</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	72.328.410.750	1.310.000.000	73.638.410.750
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	36.676.762.126	-	36.676.762.126
- Xóa sổ tài sản	(67.952.000)	-	(67.952.000)
- Phân loại lại tài sản	<u>(4.451.070.944)</u>	-	<u>(4.451.070.944)</u>
Số cuối năm	<u>104.486.149.932</u>	<u>1.310.000.000</u>	<u>105.796.149.932</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	18.962.440.636	1.310.000.000	20.272.440.636
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	38.155.283.971	1.310.000.000	39.465.283.971
- Hao mòn trong năm	13.383.325.240	-	13.383.325.240
- Xóa sổ tài sản	(67.952.000)	-	(67.952.000)
- Phân loại lại tài sản	<u>(4.450.283.443)</u>	-	<u>(4.450.283.443)</u>
Số cuối năm	<u>47.020.373.768</u>	<u>1.310.000.000</u>	<u>48.330.373.768</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>34.173.126.779</u>	-	<u>34.173.126.779</u>
Số cuối năm	<u>57.465.776.164</u>	-	<u>57.465.776.164</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng nhà hàng	143.677.178.311	114.293.251.964
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	34.444.998.894	28.862.638.456
Chi phí nâng cấp, phát triển phần mềm	15.564.650.591	7.213.980.492
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>193.686.827.796</u></b>	<b><u>150.369.870.912</u></b>

Một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành tài sản trong tương lai của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cổng Vàng)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) (i)	157.000.000.000	-	(*)	77.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	40.067.819.800	(6.569.093.382)	(*)	40.067.819.800	(6.612.347.028)	(*)
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	10.000.000.000	(1.866.249.032)	(*)	10.000.000.000	(6.584.020.164)	(*)
Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam (ii)	18.800.000.000	-	(*)	-	-	(*)
Công ty Cổ phần The Concept House	7.489.800.000	(5.325.034.606)	(*)	7.489.800.000	(5.271.822.689)	(*)
Công ty Cổ phần Golden Sakura	5.979.740.426	(3.699.969.696)	(*)	5.979.740.426	(3.855.674.005)	(*)
Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	4.900.000.000	(4.900.000.000)	(*)	4.900.000.000	(4.900.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng (iii)	1.802.565.000	-	(*)	1.530.000.000	-	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>246.039.925.226</b>	<b>(22.360.346.716)</b>		<b>146.967.360.226</b>	<b>(27.223.863.886)</b>	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	7.200.000.000	-	(*)	7.200.000.000	-	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.200.000.000</b>	<b>-</b>		<b>7.200.000.000</b>	<b>-</b>	

(\*) Công ty chưa thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty được đầu tư không phải là công ty cổ phần hoặc cổ phiếu của các công ty cổ phần được đầu tư chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(i) Công ty đã thực hiện góp thêm vốn điều lệ vào Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) với số tiền là 80.000.000.000 VND theo các Quyết định số 04.01/QĐ-CSH ngày 4 tháng 1 năm 2023 và số 20.03/QĐ-GGG ngày 20 tháng 3 năm 2023, trong đó, 37.000.000.000 VND được góp bằng hình thức cân trừ công nợ, phần còn lại được góp bằng tiền.

(ii) Tại ngày 1 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 79,9% cổ phần của Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam từ các cá nhân theo các hợp đồng chuyển nhượng với tổng giá phí là 18.800.000.000 VND.

(iii) Tại ngày 1 tháng 3 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng từ các cá nhân theo các hợp đồng chuyển nhượng với tổng giá phí là 272.565.000 VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty trong công ty này tăng từ 51% lên 57%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Kilcoy Pastoral	11.505.020.492	11.505.020.492	13.105.378.147	13.105.378.147
Công ty Cổ phần Thực phẩm và Đồ uống TTC	9.445.844.706	9.445.844.706	3.821.187.000	3.821.187.000
Tập đoàn Cargill Meat Solutions	4.823.772.876	4.823.772.876	16.500.527.211	16.500.527.211
Công ty Swift Beef	-	-	19.247.280.016	19.247.280.016
Phải trả các đối tượng khác	271.136.324.389	271.136.324.389	330.261.383.080	330.261.383.080
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.397.853.174	1.397.853.174	3.040.856.788	3.040.856.788
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>298.308.815.637</b>	<b>298.308.815.637</b>	<b>385.976.612.242</b>	<b>385.976.612.242</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	38.355.560.713	315.989.966.679	(333.197.840.306)	21.147.687.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.879.051.793	38.741.016.014	(62.794.167.073)	36.825.900.734
Thuế thu nhập cá nhân	3.880.862.804	35.322.712.922	(37.176.363.983)	2.027.211.743
Các loại thuế khác	43.477.557	5.180.295.443	(4.368.181.324)	855.591.676
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.158.952.867</b>	<b>395.233.991.058</b>	<b>(437.536.552.686)</b>	<b>60.856.391.239</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng nhà hàng	58.834.970.340	14.161.337.223
Chi phí điện, nước	13.592.387.621	7.500.653.344
Chi phí thuê	11.875.909.530	13.899.514.994
Chi phí quảng cáo	3.710.741.725	4.277.531.131
Chi phí phúc lợi	3.277.286.135	6.438.238.974
Chi phí lãi vay	745.912.059	1.571.313.174
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.468.940.636	4.951.839.219
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.506.148.046</b>	<b>52.800.428.059</b>

Trong đó:

Chi phí phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)

Chi phí phải trả cho bên khác

- 906.106.539  
97.506.148.046 51.894.321.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Doanh thu từ bán voucher	6.918.610.000	4.510.500.000
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	7.519.000.000	7.989.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.437.610.000</b>	<b>12.499.500.000</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, và kinh phí công đoàn	4.747.487.739	1.504.730.598
Phải trả đồng phục	1.702.600.000	5.714.410.536
Phải trả ngắn hạn khác	4.631.654.599	8.654.354.126
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.081.742.338</b>	<b>15.873.495.260</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	-	584.612.552
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	11.081.742.338	15.288.882.708

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ**

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng	667.475.047.046	667.475.047.046	2.251.775.353.973	(2.307.702.234.469)	-	611.548.166.550	611.548.166.550
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	1.489.966.590	1.489.966.590	27.304.734.612	(1.489.966.590)	-	27.304.734.612	27.304.734.612
Vay ngắn hạn các bên liên quan	5.940.000.000	5.940.000.000	-	(5.940.000.000)	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>674.905.013.636</b>	<b>674.905.013.636</b>	<b>2.279.080.088.585</b>	<b>(2.315.132.201.059)</b>	<b>-</b>	<b>638.852.901.162</b>	<b>638.852.901.162</b>
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay ngân hàng	2.607.441.533	2.607.441.533	83.163.467.397	(29.845.760.494)	(150.000.000)	55.775.148.436	55.775.148.436
Vay dài hạn các bên liên quan	62.150.000.000	62.150.000.000	-	(62.150.000.000)	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.757.441.533</b>	<b>64.757.441.533</b>	<b>83.163.467.397</b>	<b>(91.995.760.494)</b>	<b>(150.000.000)</b>	<b>55.775.148.436</b>	<b>55.775.148.436</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Cống Vàng)

B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**20.1 Vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa	209.439.055.097	Thời hạn cho vay của từng khoản là 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	4,0% - 5,8%	- Cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Golden Gate Partners, cổ đông lớn của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng	166.757.821.603	Thời hạn cho vay của từng khoản là 5 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	4,7% - 6,5%	- Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty. - Cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Golden Gate Partners, cổ đông lớn của Công ty.
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	90.334.140.167	Thời hạn cho vay của từng khoản từ 3 đến 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	3,9% - 4,0%	- Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 3	71.907.176.213	Thời hạn cho vay của từng khoản là 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	4,0% - 5,8%	- Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch	64.017.151.827	Thời hạn cho vay của từng khoản là 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	4,0% - 5,6%	- Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty. - Cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của Golden Gate Partners, cổ đông lớn của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn	9.092.821.643	Thời hạn cho vay của từng khoản là 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	4,5%	- Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty. - Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của Công ty.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>611.548.166.550</b>			

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng)

B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ** (tiếp theo)

**20.2 Vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	48.850.000.000	Kỳ hạn vay là 36 tháng. Gốc vay và lãi vay được trả hàng quý.	7,92%	- Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch	29.397.357.108	Kỳ hạn vay là 48 tháng. Gốc vay và lãi vay được trả hàng quý.	7,90%	- Tài sản sau đầu tư của các nhà hàng được tài trợ bởi nguồn vốn vay. - Cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Golden Gate Partners, cổ đông lớn của Công ty. - Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 3	4.832.525.940	Kỳ hạn vay từ 26 đến 36 tháng. Gốc vay và lãi vay được trả hàng quý.	7,0% - 8,5%	- Tài sản sau đầu tư của các nhà hàng được tài trợ bởi nguồn vốn vay và các tài sản hợp pháp khác.

**TỔNG CỘNG**

**83.079.883.048**

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

27.304.734.612

Vay dài hạn

55.775.148.436



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate**  
(trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng)

B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	76.341.240.000	(71.626.428.562)	(47.145.803.798)	810.429.673.177	767.998.680.817
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	664.962.984.458	664.962.984.458
- Cổ tức công bố	-	-	-	(48.471.821.039)	(48.471.821.039)
- Phát hành cổ phiếu mới	740.060.000	-	-	(740.060.000)	-
- Tái phát hành cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ	-	(7.286.713.567)	7.286.713.567	-	-
- Hủy bỏ cổ phiếu	(154.400.000)	(9.654.409.939)	9.808.809.939	-	-
- Giảm khác	-	(22.750)	-	(1.871.428.557)	(1.871.451.307)
Số cuối năm	76.926.900.000	(88.567.574.818)	(30.050.280.292)	1.424.309.348.039	1.382.618.392.929
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	76.926.900.000	(88.567.574.818)	(30.050.280.292)	1.424.309.348.039	1.382.618.392.929
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	152.310.034.894	152.310.034.894
- Cổ tức trả bằng tiền trong năm (*)	-	-	-	(99.563.672.000)	(99.563.672.000)
- Phát hành cổ phiếu mới (**)	688.070.000	-	-	-	688.070.000
- Tái phát hành cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ (**)	-	(17.446.719.307)	17.725.739.307	-	279.020.000
- Hủy bỏ cổ phiếu (**)	(11.900.000)	(700.397.415)	712.297.415	-	-
Số cuối năm	77.603.070.000	(106.714.691.540)	(11.612.243.570)	1.477.055.710.933	1.436.331.845.823

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

- (\*) Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty.
- (\*\*) Trong năm, Công ty đã thực hiện các giao dịch cổ phiếu liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") theo các Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:
- Phát hành mới 68.807 cổ phiếu ESOP với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu;
  - Tái phát hành 27.902 cổ phiếu ESOP từ nguồn cổ phiếu quỹ;
  - Thu hồi 1.190 cổ phiếu ESOP của người lao động đã nghỉ việc từ ngày 3 tháng 6 năm 2022 đến ngày 26 tháng 5 năm 2023; và
  - Giảm vốn cổ phần đã phát hành do hủy bỏ 1.190 cổ phiếu quỹ trước đây là cổ phiếu ESOP đã thu hồi của người lao động nghỉ việc từ ngày 3 tháng 6 năm 2022 đến ngày 26 tháng 5 năm 2023.

**21.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners	3.375.690	3.375.690
Công ty TNHH Seletar Investments	1.539.608	1.539.608
SeaTown Private Capital Master Fund	768.431	768.431
Công ty TNHH Periwinkle	436.358	436.358
Ông Đào Thế Vinh	406.684	400.537
Ông Nguyễn Xuân Trường	235.439	235.439
Ông Trần Việt Trung	176.020	176.020
Các cổ đông khác	802.677	713.305
Cổ phiếu quỹ	19.400	47.302
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.760.307</b>	<b>7.692.690</b>

**21.3 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2022:		
13.000 VND/cổ phiếu	99.539.138.725	-
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2021:		
6.399 VND /cổ phiếu	-	48.471.821.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.4 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>7.760.307</b>	<b>7.692.690</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>7.760.307</b>	<b>7.692.690</b>
Cổ phiếu phổ thông	7.760.307	7.692.690
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>19.400</b>	<b>47.302</b>
Cổ phiếu phổ thông	19.400	47.302
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>7.740.907</b>	<b>7.645.388</b>
Cổ phiếu phổ thông	7.740.907	7.645.388

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Doanh thu</b>	<b>6.258.963.167.780</b>	<b>6.944.131.670.262</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thực phẩm và đồ uống	6.258.963.167.780	6.944.131.670.262
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(1.706.592.131)</b>	-
<i>Trong đó:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(1.706.592.131)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>6.257.256.575.649</b>	<b>6.944.131.670.262</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với bên khác	6.242.487.025.146	6.922.252.697.689
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 29)	14.769.550.503	21.878.972.573

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	23.348.802.759	37.769.594.821
Cổ tức	2.696.938.007	2.231.977.264
Lãi chênh lệch tỷ giá	618.441.671	2.542.884.961
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.664.182.437</b>	<b>42.544.457.046</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thực phẩm và đồ uống đã bán	2.308.726.725.640	2.646.864.442.540
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.308.726.725.640</u></b>	<b><u>2.646.864.442.540</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	54.510.995.379	106.528.180.424
<i>Chi phí lãi vay</i>	54.510.995.379	91.018.582.490
<i>Xóa sổ chi phí tư vấn và phát hành trái phiếu</i>	-	13.435.621.090
<i>Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu (Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn</i>	(4.863.517.170)	187.692.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá	353.727.587	5.624.143.223
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>50.001.205.796</u></b>	<b><u>112.340.015.869</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	1.184.493.592.315	1.184.642.510.667
Chi phí thuê cửa hàng	930.137.926.169	761.495.012.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.323.180.960	402.158.911.304
Phân bổ chi phí đầu tư xây dựng, sửa chữa	280.245.316.947	239.543.028.266
Vật liệu, công cụ dụng cụ	241.718.224.002	233.873.279.170
Chi phí quảng cáo	72.335.216.454	63.035.814.637
Khấu hao và hao mòn	48.220.026.754	46.885.002.985
Chi phí bán hàng khác	139.133.604.354	175.040.951.459
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.337.607.087.955</u></b>	<b><u>3.106.674.511.433</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	335.405.227.072	351.306.844.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.488.462.266	44.407.953.932
Khấu hao và hao mòn	19.940.294.139	17.117.987.920
Phân bổ chi phí đầu tư xây dựng, sửa chữa	5.178.775.158	3.829.254.036
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	23.330.390.700	37.587.503.017
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>433.343.149.335</u></b>	<b><u>454.249.543.174</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>42.374.005.201</b>	<b>63.711.351.964</b>
Tài trợ từ các chiến dịch khuyến mãi của nhà cung cấp	20.560.894.175	25.355.377.201
Thu nhập từ nhượng quyền	1.870.800.233	2.318.395.320
Lãi do thanh lý tài sản	1.077.197.794	-
Thưởng doanh số từ nhà cung cấp	834.562.438	1.310.191.705
Thu nhập khác	18.030.550.561	34.727.387.738
<b>Chi phí khác</b>	<b>5.565.543.653</b>	<b>4.416.930.005</b>
Xóa sổ các chi phí trả trước của các nhà hàng đã ngừng hoạt động	1.418.196.520	694.661.651
Chi phí khác	4.147.347.133	3.722.268.354
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>36.808.461.548</b>	<b>59.294.421.959</b>

## 27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu	2.165.187.614.546	2.543.198.834.526
Chi phí nhân công	1.519.902.758.773	1.535.949.354.936
Chi phí thuê cửa hàng	930.137.926.169	761.495.012.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.811.643.226	446.566.865.236
Phân bổ chi phí đầu tư xây dựng, sửa chữa	285.424.092.105	243.372.282.302
Khấu hao và hao mòn	72.104.725.863	68.796.464.166
Chi phí quảng cáo	72.335.216.454	63.035.814.637
Phân bổ chi phí trước hoạt động	32.371.634.950	45.455.678.536
Phân bổ chi phí nhượng quyền lần đầu	310.822.110	555.895.677
Chi phí khác	465.246.696.322	503.320.403.889
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.033.833.130.518</b>	<b>6.211.746.606.850</b>

## 28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 28.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.741.016.014	60.879.051.793
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.741.016.014</b>	<b>60.879.051.793</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	191.051.050.908	725.842.036.251
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	38.210.210.182	145.168.407.250
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.164.193.434	293.537.510
Điều chỉnh doanh thu chương trình khách hàng truyền thống	-	757.800.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	(539.387.602)	(446.395.453)
Điều chỉnh doanh thu chương trình khách hàng truyền thống	(94.000.000)	-
Lỗi năm trước mang sang	-	(77.762.458.267)
Chi phí lãi vay không được trừ kết chuyển từ các năm trước	-	(7.131.839.247)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>38.741.016.014</b>	<b>60.879.051.793</b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng	Công ty con
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con
Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc)	Công ty con
Công ty Cổ phần Golden Sakura	Công ty con
Công ty TNHH Giải pháp Nguồn Nhân lực Golden Stars	Công ty con
Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nội thất Golden Gate	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Xuân Trường	Cổ đông sáng lập/Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Trần Việt Trung	Cổ đông sáng lập/Chủ tịch HĐQT
Ông Đào Thế Vinh	Cổ đông sáng lập/Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Seletar Investments	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lychee	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Quince Việt Nam	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Thực phẩm W&E	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty TNHH Vostochnyi - Alyans Việt Nam	Bên liên quan của người nội bộ
Bà Nguyễn Thị Thắng	Người liên quan của người nội bộ

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã được trình bày ở trang 1.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Thanh toán gốc vay	3.000.000.000	800.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.042.373.651	905.250.540
		Lãi vay	196.404.842	843.452.056
		Thanh toán lãi vay	404.985.660	1.090.871.237
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	955.170.703
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con	Thanh toán gốc vay	2.940.000.000	230.000.000
		Lãi vay	121.829.233	486.218.208
		Trả lãi vay	505.064.977	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng	Công ty con	Mua dịch vụ	14.853.740.933	19.821.055.653
		Mua cổ phần	272.565.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>		
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Chia lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.425.000.000	-		
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.030.132.579	6.458.182.625		
		Mua hàng hóa và dịch vụ	689.564.816	-		
		Phí nhượng quyền phải trả	-	1.573.811.114		
		Thu nhập từ phí quản lý	-	636.000.000		
Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	329.860.337	-		
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc)	Công ty con	Góp vốn bằng tiền	43.000.000.000	-		
		Chuyển khoản chi hộ thành vốn góp	37.000.000.000	-		
Công ty TNHH Giải pháp Nguồn Nhân lực Golden Stars	Công ty con	Chia lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.125.000.000	-		
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.367.183.936	14.515.539.408		
		Thu nhập từ phí nhượng quyền	1.870.800.233	2.318.395.320		
		Cổ tức được chia	2.696.938.007	2.231.977.264		
Công ty Cổ phần Golden Gate Partners	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	43.883.970.000	21.602.721.849		
		Thu gốc cho vay	-	11.725.342.000		
		Lãi cho vay	-	847.261.841		
		Thu lãi cho vay	-	5.742.454.054		
Công ty TNHH Seletar Investments	Cổ đông lớn	Cần trừ công nợ	-	3.024.000.000		
		Chia cổ tức	20.014.904.000	-		
		Ông Đào Thế Vinh	Cổ đông sáng lập/Thành viên HĐQT	Chia cổ tức	5.217.686.500	4.848.240.586
		Ông Nguyễn Xuân Tường		Cổ đông sáng lập/Thành viên HĐQT	Thanh toán gốc vay	18.645.000.000
Chia cổ tức	3.060.707.000	1.946.183.374				
Thanh toán lãi vay	481.870.891	2.606.200.653				
		Lãi vay	399.628.562	2.825.611.438		
		Đi vay	-	37.290.000.000		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Trần Việt Trung	Cổ đông sáng lập/Chủ tịch HĐQT	Thanh toán gốc vay	43.505.000.000	43.505.000.000
		Chia cổ tức	2.288.260.000	2.162.332.823
		Thanh toán lãi vay	1.124.365.411	6.081.134.859
		Lãi vay	932.466.644	6.593.093.355
		Đi vay	-	87.010.000.000
Công ty Cổ phần Lychee	Bên liên quan của người nội bộ	Mua hàng hóa, dịch vụ	716.331.538	1.094.436.420
		Nhận tài trợ	4.050.000	-
Công ty TNHH Vostochnyi - Alyans Việt Nam	Bên liên quan của người nội bộ	Đặt cọc thay cho Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc)	12.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Quince Việt Nam	Bên liên quan của người nội bộ	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.294.900.738	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm W&E	Bên liên quan của người nội bộ	Mua hàng hóa, dịch vụ	627.485.100	186.243.840
Bà Nguyễn Thị Thắng	Người liên quan của người nội bộ	Mua lại trái phiếu phát hành	-	10.000.000.000
		Trả lãi	-	911.917.809

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b> (Thuyết minh số 6.1)					
Công ty Cổ phần Golden Gate Red Hots	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.491.057.640	1.491.057.640	
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	353.947.063	1.668.012.061	
Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	359.371.778	-	
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc)	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.382.492.882	
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.185.667.268	
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	46.214.857	
			<b>2.204.376.481</b>	<b>6.773.444.708</b>	
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b> (Thuyết minh số 6.2)					
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng	Công ty con	Trả trước mua dịch vụ	3.651.342.016	-	
			<b>3.651.342.016</b>	<b>-</b>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b> (Thuyết minh số 7)					
Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc)	Công ty con	Phải thu về chi hộ	17.569.075.406	39.580.000.000	
Công ty Cổ phần Thực phẩm W&E	Bên liên quan của người nội bộ	Phải thu về chi hộ	121.568.273	-	
			<b>17.690.643.679</b>	<b>39.580.000.000</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</i></b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Cổng Vàng	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	1.251.191.397	2.385.027.916
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Công ty liên kết	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	112.606.062	-
Công ty Cổ phần Lychee	Bên liên quan của người nội bộ	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	21.402.067	-
Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	12.653.648	-
Công ty Cổ phần Golden Sakura	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	655.828.872
			<b>1.397.853.174</b>	<b>3.040.856.788</b>
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</i></b>				
Công ty TNHH Tân Phong - Lại Yên	Công ty con	Lãi vay trích trước phải trả	-	383.235.744
Công ty TNHH Golden Gate Franchise	Công ty con	Lãi vay trích trước phải trả	-	208.580.818
Ông Trần Việt Trung	Cổ đông sáng lập/Chủ tịch HĐQT	Lãi vay trích trước phải trả	-	191.898.767
Ông Nguyễn Xuân Tường	Cổ đông sáng lập/Thành viên HĐQT	Lãi vay trích trước phải trả	-	82.242.329
Công ty Cổ phần The Concept House	Công ty con	Trích trước chi phí dịch vụ	-	20.722.501
Công ty TNHH Giải pháp Nguồn nhân lực Golden Stars	Công ty con	Trích trước chi phí dịch vụ	-	19.426.380
			<b>-</b>	<b>906.106.539</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</i></b>				
Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh	Công ty liên kết	Phải trả khác	-	584.612.552
			<b>-</b>	<b>584.612.552</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Ông Trần Việt Trung	Chủ tịch HĐQT	113.059.042	112.708.993
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.330.858.982	4.048.803.005
Ông Nguyễn Xuân Tường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	556.781.050	536.037.224
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.000.699.074</b>	<b>4.697.549.222</b>

Khoản mục cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách tổng hợp số liệu của kỳ báo cáo hiện tại.

**30. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty thuê địa điểm, mặt bằng kinh doanh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
Đến 1 năm	909.824.363.231	875.388.986.081
Từ 1 - 5 năm	1.906.746.885.249	2.072.996.234.815
Trên 5 năm	252.846.268.446	285.501.797.329
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.069.417.516.926</b>	<b>3.233.887.018.225</b>

Khoản mục cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách tổng hợp số liệu của kỳ báo cáo hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty

  
Trần Thị Minh Chung  
Người lập

  
Nguyễn Mạnh Đức  
Kế toán trưởng

  
Đào Thế Vinh  
Tổng Giám đốc

  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE  
GOLDEN GATE  
GROUP JSC  
M.S.D.N 0102721771

  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE  
GOLDEN GATE  
GROUP JSC  
M.S.D.N 0102721771

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024